

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính tổng hợp	04-30
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10-30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

---

- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
 Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>75.720.003.943</b>	<b>49.690.686.844</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.477.644.581	4.252.429.919
111	1. Tiền		4.477.644.581	4.252.429.919
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.000.000	1.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000	1.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.316.104.639	45.114.179.458
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	32.643.710.087	36.040.179.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		642.394.552	44.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	18.000.000.000	9.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.000.000	30.000.000
140	IV. Hàng tồn kho	8	19.613.118.368	-
141	1. Hàng tồn kho		19.613.118.368	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		312.136.355	323.077.467
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	38.138.336	42.710.835
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		273.998.019	280.366.632
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>309.954.173.922</b>	<b>197.302.538.209</b>
220	II. Tài sản cố định		11.002.152.859	11.293.923.703
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.002.152.859	11.293.923.703
222	- Nguyên giá		15.316.400.480	15.316.400.480
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.314.247.621)	(4.022.476.777)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	296.000.000.000	183.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		261.000.000.000	53.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.000.000.000	130.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.952.021.063	3.008.614.506
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.952.021.063	3.008.614.506
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>385.674.177.865</b>	<b>246.993.225.053</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La

Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba

Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.090.594.969</b>	<b>55.442.458.447</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>44.090.594.969</b>	<b>55.442.458.447</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	25.608.362.859	11.697.497.003
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	413.848.330	458.219.773
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	-	218.357.891
320	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	9.823.000.000	34.823.000.000
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.245.383.780	8.245.383.780
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>341.583.582.896</b>	<b>191.550.766.606</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>341.583.582.896</b>	<b>191.550.766.606</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		321.671.440.000	171.671.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		321.671.440.000	171.671.440.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.122.691.890	4.122.691.890
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.789.451.006	15.756.634.716
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.756.634.716	13.163.145.766
421b	LNST chưa phân phối năm nay		32.816.290	2.593.488.950
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>385.674.177.865</b>	<b>246.993.225.053</b>

Hoàng Thị Kim Lan

Người lập

Hoàng Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
 Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2022		Quý I năm 2021		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400	33.555.138.873	21.181.340.400
11	4. Giá vốn hàng bán	17	32.615.124.323	18.317.442.483	32.615.124.323	18.317.442.483	32.615.124.323	18.317.442.483	32.615.124.323	18.317.442.483
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		940.014.550	2.863.897.917	940.014.550	2.863.897.917	940.014.550	2.863.897.917	940.014.550	2.863.897.917
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	186.054.615	294.465	186.054.615	294.465	186.054.615	294.465	186.054.615	294.465
22	7. Chi phí tài chính	19	491.787.404	17.771.918	491.787.404	17.771.918	491.787.404	17.771.918	491.787.404	17.771.918
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-	-	-	491.787.404	17.771.918	491.787.404	17.771.918
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-	-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	572.723.900	303.765.168	572.723.900	303.765.168	572.723.900	303.765.168	572.723.900	303.765.168
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-	-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-	-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2022		Quý I năm 2021		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296	61.557.861	2.542.655.296
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	28.741.571	127.132.764	28.741.571	127.132.764	28.741.571	127.132.764	28.741.571	127.132.764
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>32.816.290</u>	<u>2.415.522.532</u>	<u>32.816.290</u>	<u>2.415.522.532</u>	<u>32.816.290</u>	<u>2.415.522.532</u>	<u>32.816.290</u>	<u>2.415.522.532</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-	-	-	-	-	-	-



Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba  
 Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/03/2022	đến ngày 31/03/2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		61.557.861	2.542.655.296
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		291.770.844	159.620.844
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(186.054.615)	(294.465)
06	- Chi phí lãi vay		491.787.404	17.771.918
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		659.061.494	2.719.753.593
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.804.443.432	(6.196.850.655)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.613.118.368)	(9.288.680.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.937.752.842	107.444.985
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		61.165.942	27.527.281
14	- Tiền lãi vay đã trả		(710.145.295)	(17.771.918)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(100.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.960.839.953)	(12.648.576.714)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.000.000.000)	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(113.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		186.054.615	294.465
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(121.813.945.385)	294.465
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.723.000.000	7.100.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(27.723.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		125.000.000.000	7.100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La

Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba

Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/03/2022	đến ngày 31/03/2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		225.214.662	(5.548.282.249)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.252.429.919	7.221.019.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<b>4.477.644.581</b>	<b>1.672.737.442</b>


**Hoàng Thị Kim Lan**

Người lập


**Hoàng Thị Kim Lan**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Tuấn Dũng**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 321.671.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 321.671.440.000 đồng; tương đương 32.167.144 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sắn lát và ngô hạt sấy.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà

**Địa chỉ**

Huyện Yên Châu,  
Tỉnh Sơn La

**Hoạt động kinh doanh chính**

Sản xuất, buôn bán nông sản.

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 5500512492-002 cấp ngày 29/06/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, Chi nhánh hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

### 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 20 năm      |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 năm      |

### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

## **2.16 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

## **2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

### 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

### 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	4.466.957.767	4.242.476.495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.686.814	9.953.424
	<u>4.477.644.581</u>	<u>4.252.429.919</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>261.000.000.000</b>	-	<b>53.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (1)	53.000.000.000	-	53.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lạc Xanh (2)	110.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần HongHa Pharma (3)	98.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>35.000.000.000</b>	-	<b>130.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lạc Xanh (2)	-	-	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần HongHa Pharma (3)	-	-	45.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
	<b>296.000.000.000</b>	-	<b>183.000.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2022 như sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (1)	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98,14%	98,14%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh (2)	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần HongHa Pharma (3)	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	98,00%	98,00%	Kinh doanh thực phẩm chức năng

(1) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2020, tổng vốn góp là 53.000.000.000 VND chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đơn vị đã góp đủ 53.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Trong đó góp bằng tiền 35.535.000.000 VND, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 3.465.000.000 VND, góp bằng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà 14.000.000.000 VND. Theo nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu quyết định thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, do đó số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà tăng thêm 3.975.000 cổ phần, tăng từ 5.300.000 cổ phần lên 9.275.000 cổ phần chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty.

(2) Vào ngày 16/03/2022 đến ngày 22/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà ("Tập đoàn") đã hoàn tất việc mua thêm 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọc Lặc Xanh với tổng giá phí đầu tư là 60.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 54,55% vốn chủ sở hữu trong Công ty này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh đã tăng từ 45,45% lên 100% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh từ công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn.

(3) Vào ngày 16/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà ("Tập đoàn") đã hoàn tất việc mua thêm 5.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần HongHa Pharma với tổng giá phí đầu tư là 53.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 53% vốn chủ sở hữu trong Công ty này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã tăng từ 45% lên 98% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần HongHa Pharma từ công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2022 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	H. Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	43,75%	43,75%	Kinh doanh nông, lâm sản

*Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 22.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tinh bột sắn Elmaco Ninh	8.174.987.115	-	5.250.693.000	-
Công ty TNHH Nông sản Hoàng Hải Tây	5.266.553.555	-	-	-
Công ty TNHH Sun Agri Tây Hồ	4.208.148.000	-	4.208.148.000	-
Công ty CP Tập đoàn Hanco Việt Nam	3.417.166.700	-	6.000.166.700	-
Công ty CP HDC Hà Nội	589.719.630	-	7.512.719.630	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Elma	417.432.040	-	1.517.432.040	-
Phải thu khách hàng khác	10.569.703.047	-	11.551.020.088	-
	<b>32.643.710.087</b>	<b>-</b>	<b>36.040.179.458</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cho vay cá nhân lãi suất 8,3%	18.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	<b>18.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.943.207.500	-	-	-
Hàng hoá	15.669.910.868	-	-	-
	<b>19.613.118.368</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	9.994.000.480	1.093.600.000	4.228.800.000	15.316.400.480
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.994.000.480</b>	<b>1.093.600.000</b>	<b>4.228.800.000</b>	<b>15.316.400.480</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.926.186.087	876.040.690	220.250.000	4.022.476.777
- Khấu hao trong kỳ	124.925.013	34.695.831	132.150.000	291.770.844
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.051.111.100</b>	<b>910.736.521</b>	<b>352.400.000</b>	<b>4.314.247.621</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	7.067.814.393	217.559.310	4.008.550.000	11.293.923.703
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.942.889.380</b>	<b>182.863.479</b>	<b>3.876.400.000</b>	<b>11.002.152.859</b>

Trong đó:

- Tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.228.800.000 đồng và 3.876.400.000 đồng đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	23.138.337	42.710.835
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.999.999	-
	<u><b>38.138.336</b></u>	<u><b>42.710.835</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (*)	2.932.251.310	2.985.243.805
Phần mềm kế toán	2.177.076	3.483.328
Công cụ dụng cụ	17.592.677	19.887.373
	<u><b>2.952.021.063</b></u>	<u><b>3.008.614.506</b></u>

(\*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

**11 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>31/03/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu 5T	13.205.225.247	13.205.225.247	5.249.285.360	5.249.285.360
Công ty CP Dịch vụ Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	5.169.008.250	5.169.008.250	-	-
Công ty CP Thực phẩm sạch Nesviet	3.824.201.814	3.824.201.814	-	-
Công ty CP VBM Bắc Bộ	2.665.687.320	2.665.687.320	5.500.026.740	5.500.026.740
Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Agri- vina	553.183.840	553.183.840	553.183.840	553.183.840
Công ty TNHH DVTM và ĐT Tài Phát	191.056.388	191.056.388	191.056.388	191.056.388
Công ty TNHH Đầu tư TMDV Hoàng Phi	-	-	203.944.675	203.944.675
	<u><b>25.608.362.859</b></u>	<u><b>25.608.362.859</b></u>	<u><b>11.697.497.003</b></u>	<u><b>11.697.497.003</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	458.219.773	28.741.571	100.000.000	-	386.961.344
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	26.886.986	-	-	26.886.986
	-	<b>458.219.773</b>	<b>55.628.557</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>413.848.330</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Đối với hoạt động kinh doanh nông sản sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: không phải kê khai tính nộp thuế GTGT.  
Đối với các hoạt động khác: 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.  
Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	218.357.891
	-	<b>218.357.891</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/03/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	7.100.000.000	7.100.000.000	-	-	7.100.000.000	7.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy (2)	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000	2.723.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng (3)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
	<b>34.823.000.000</b>	<b>34.823.000.000</b>	<b>2.723.000.000</b>	<b>27.723.000.000</b>	<b>9.823.000.000</b>	<b>9.823.000.000</b>

(1) Là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 18/2/2021. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VNĐ. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại nông sản. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ tổ dân phố Cáo Đình 3, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội số CV 479941, số vào sổ cấp GCN: CS-BTL19906 do Sở tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 08/09/2020 cho ông Nguyễn Văn Bình và Bà Nguyễn Thị Lương theo hợp đồng thế chấp số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 03/2/2021.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Cầu Giấy theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2122399159HDDTHM ký ngày 11 tháng 8 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là: 3.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 03 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 12 tháng, khi kết thúc mỗi kỳ 12 tháng mà bên được cấp tín dụng không có đề xuất tiếp tục sử dụng hạn mức thì hợp đồng này chấm dứt, lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản là 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi nhãn hiệu Volvo, biển số xe 30H-150.70, giá trị của tài sản đảm bảo là 3.890.000.000 đồng.

(3) Là khoản vay Ông Nguyễn Tuấn Dũng theo Hợp đồng vay tiền số 03.11/2021/HĐVY-HSL ngày 03 tháng 11 năm 2021. Số tiền vay là: 25.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021, lãi suất cho vay là 6%/năm. Trong Quý 1 năm 2022, Công ty đã tất toán khoản vay này.



Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		VND		VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	VND	VND
<b>Năm 2021</b>						
Số dư đầu năm trước	171.671.440.000	3.882.587.497	13.883.458.945	189.437.486.442		
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	2.900.926.643	2.900.926.643		
Trích lập các quỹ	-	240.104.393	(720.313.179)	(480.208.786)		
Điều chỉnh hồi tố chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2021	-	-	(307.437.693)	(307.437.693)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>171.671.440.000</b>	<b>4.122.691.890</b>	<b>15.756.634.716</b>	<b>191.550.766.606</b>		
<b>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022</b>						
Số dư đầu kỳ này	171.671.440.000	4.122.691.890	15.756.634.716	191.550.766.606		
Tăng vốn trong kỳ này (*)	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000		
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	32.816.290	32.816.290		
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>321.671.440.000</b>	<b>4.122.691.890</b>	<b>15.789.451.006</b>	<b>341.583.582.896</b>		

(\*) Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HSL ngày 09/12/2021. Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT/HSL ngày 08/03/2022 của Hội đồng quản trị về việc thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo đó công ty thực hiện chào bán là 15.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm 150.000.000.000 đồng. Ngày 28/03/2022 Trung tâm lưu ký chứng khoán đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 07/2018/GCNCNP-VSD-4 cho công ty về việc đăng ký bổ sung 15.000.000 cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các Cổ đông	100,00%	321.671.440.000	100,00%	171.671.440.000
	<b>100%</b>	<b>321.671.440.000</b>	<b>100%</b>	<b>171.671.440.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	321.671.440.000	171.671.440.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	171.671.440.000	171.671.440.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	150.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	321.671.440.000	171.671.440.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.167.144	17.167.144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.167.144	17.167.144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.167.144	17.167.144
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**f) Các quỹ công ty**

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.122.691.890	4.122.691.890
	<b>4.122.691.890</b>	<b>4.122.691.890</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.555.138.873	21.181.340.400
	<b>33.555.138.873</b>	<b>21.181.340.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.615.124.323	18.317.442.483
	<b>32.615.124.323</b>	<b>18.317.442.483</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	186.054.615	294.465
	<b>186.054.615</b>	<b>294.465</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	491.787.404	17.771.918
	<b>491.787.404</b>	<b>17.771.918</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	189.397.926	100.567.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.975.627	36.825.627
Thuế, phí, lệ phí	5.520.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.576.717	117.696.150
Chi phí khác bằng tiền	77.253.630	45.676.091
	<b>572.723.900</b>	<b>303.765.168</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.477.644.581	-	4.252.429.919	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.673.710.087	-	36.070.179.458	-
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
	<b>55.152.354.668</b>	<b>-</b>	<b>49.323.609.377</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	9.823.000.000	34.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.608.362.859	11.697.497.003
Chi phí phải trả	-	218.357.891
	<b>35.431.362.859</b>	<b>46.738.854.894</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách

La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,

Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	1.000.000
	<u>1.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	1.000.000
	<u>1.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.477.644.581	-	-	4.477.644.581
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.673.710.087	-	-	32.673.710.087
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	<b><u>55.151.354.668</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>55.151.354.668</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.252.429.919	-	-	4.252.429.919
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.070.179.458	-	-	36.070.179.458
Các khoản cho vay	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
	<b><u>49.322.609.377</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>49.322.609.377</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Vay và nợ	9.823.000.000	-	-	9.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.608.362.859	-	-	25.608.362.859
	<b><u>35.431.362.859</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>35.431.362.859</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai,  
Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Tại ngày 01/01/2022**

Vay và nợ	34.823.000.000	-	-	34.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	11.697.497.003	-	-	11.697.497.003
Chi phí phải trả	218.357.891	-	-	218.357.891
	<b>46.738.854.894</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.738.854.894</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**23 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 do công ty lập.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2021. Theo đó số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 được điều chỉnh như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	150.782.080	458.219.773	307.437.693	(*)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	2.900.926.643	2.593.488.950	(307.437.693)	(*)

(\*) Công ty ghi nhận bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2021 số tiền là 307.437.693 đồng.



Hoàng Thị Kim Lan  
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022